

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST

ngày 17/8/2017

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Vỹ

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng;

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: là chị Ngô Thị X - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2- Bị đơn: là anh Nông Đình C - Sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm S, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017, trong quá trình giải quyết, xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị X trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh C kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 2/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm khác nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Trong quá trình chung sống, anh C thường xuyên nghi ngờ ghen tuông vô cớ, đánh đập chị Xuân, dẫn đến chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện H từ tháng 3 năm 2017 và sống ly thân cho đến nay. Nay chị X xác định cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị Xuân xin được ly hôn với anh Nông Đình C.

[1.2] Về con chung: Chị Ngô Thị X và anh Nông Đình C có 01 con chung tên là: Nông Đức T, sinh ngày 23/7/2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh Nông Đình C. Sau khi ly hôn, chị X chấp nhận cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Nông Đức T. Chị X sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho Nông Đức T đến khi tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), mức cấp dưỡng hàng tháng đề nghị Tòa xem xét, quyết định cho phù hợp vì hiện nay chị X chưa có việc làm và thu nhập không ổn định.

[1.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung của vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn là anh Nông Đình C trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận đúng như chị X đã trình bày, tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nếu chị X xin ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh C xác nhận có 01 con chung tên là: Nông Đức T, sinh ngày 23/7/2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh Nông Đình C. Nếu phải ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nông Đức T. Anh C yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi Nông Đức T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[1.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng của vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị X và anh Nông Đình C kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. Do đó đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 2/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm khác nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Trong quá trình chung sống, anh C thường xuyên nghi ngờ ghen tuông vô cớ, đánh đập chị X, dẫn đến chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện H từ tháng 3 năm 2017 và sống ly thân cho đến nay. Nay chị X xác định cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị X xin được ly hôn với anh Nông Đình C. Tại phiên tòa anh Nông Đình C nhất trí ly hôn với chị Ngô Thị X. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thấy yêu cầu của chị X và anh C cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị X và anh C có 01 con chung tên là: Nông Đức T- sinh ngày 23/7/2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh C. Tại phiên tòa, chị X thay đổi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là

cháu Nông Đức T và yêu cầu anh C phải đóng góp nuôi con chung. Còn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị X phải đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nông Đức T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét về điều kiện kinh tế: hiện nay cháu Nông Đức T đang ở với anh C, nhà ở gần trường học, công việc của anh C thu nhập khoảng 03 triệu đồng/tháng. Đối với chị X hiện nay đang ở nhờ nhà anh trai, công việc và thu nhập chưa ổn định, nhà xa trường học. Do vậy, xét về quyền lợi mọi mặt của cháu Nông Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy anh Nông Đình C có đủ điều kiện thuận lợi để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Đức T hơn chị X, nên cần được chấp nhận.

Anh C yêu cầu chị X phải đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng là cao, chưa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, công việc và thu nhập hiện tại của chị X, do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng của vợ chồng: Hai bên đương sự đều xác nhận không tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

$V \times c, c \text{ lần } tr^n,$

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nông Đình C đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị X.

[2] Về con chung: giao cháu Nông Đức T - sinh ngày 23/7/2012 cho anh Nông Đình C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ngô Thị X có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng. Hình thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nông Đức T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.2] Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng của vợ chồng: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng (tổng cộng là 600.000đ) để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000514 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. Nay chị Ngô Thị X còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đức Thông;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Nông Thanh Diệp